TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán, vay và thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Việt

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán, vay và thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An).

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hồ Minh N, sinh năm 1994.

Địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Số C, đường C, phường C, tỉnh Đồng Tháp) (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2025).

Bị đơn: Anh **Trần Văn V,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ A, ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

(Anh N có đơn xin vắng, anh V1 mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Hồ Minh N trình bày:

Vào ngày 22/6/2024, anh Trần Văn V và Công ty Cổ phần S - Chi nhánh Đ - Thành phố C có ký Hợp đồng cho thuê tài sản, đăng ký Giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1. Cụ thể:

- Tài sản thuê:

+ 01 xe môtô hai bánh BKS 66F1-304.82

+ Loại xe: Future FI màu: Đen.

+ Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968

+ Giá thuê: 9.615.294,77 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (từ 22/6/2024 22/6/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 801.274,56 đồng.

- Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn).

- Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho anh V và anh V sẽ trả số tiền thuê chiếc xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền thuê là 801.274,56 đồng mỗi tháng như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê, anh V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho Công ty từ ngày 22/12/2024, đến nay đã quá hạn hợp đồng. Anh V không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tạm tính đến ngày 10/4/2025, anh V còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền thuê xe chưa trả là 4.895.629 đồng.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà anh V nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để anh V trả lại tiền và tài sản là xe máy đã thuê cho Công ty, nhưng anh V không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả tiền thuê và trả lại tài sản thuê của Công ty.

Từ nội dụng sự việc trên, có thể khẳng định anh Trần Văn V đã có hành vi thuê lại tài sản của Công ty, nhận được xe thông qua Hợp đồng cho thuê xe, và

trả tiền thuê xe hàng tháng như đã thỏa thuận, anh Trần Văn V không thanh toán theo hợp đồng và trả lại xe cho Công ty. Công ty Cổ Phần S quyết định khởi kiện anh Trần Văn V ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong đơn kiện Công ty Cổ Phần S yêu cầu anh Trần Văn V phải thanh toán số tiền 4.895.629 đồng tính đến ngày 10/4/2025, bao gồm tiền thuê xe chưa trả: 4.397.345 đồng, phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 146.496 đồng, phí phạt vi phạm: 351.787 đồng. Ngoài ra anh V còn phải tiếp tục chịu tiền phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ cho Công ty Cổ Phần S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện Công ty cổ phần S trình bày:

Do anh V cần vốn nên có cầm cố Công ty, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô 2 bánh, BKS 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968. Thời hạn là 12 tháng từ tháng 6/2025-6/2025. Anh V có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty hàng tháng 801.274 đồng. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận nội dung về phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn) và phí phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Tuy nhiên do việc cầm cố không hợp lệ và anh V cũng cần xe đi lại nên hai bên thỏa thuận làm giấy bán xe và anh V ký hợp đồng thuê xe, nhưng thực chất là không có việc mua bán giữa hai bên và tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của anh V. Hiện nay anh V đang quản lý chiếc xe 01 xe mô tô 2 bánh, BKS 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968. Công ty Cổ Phần S chỉ giữ giấy đăng ký xe.

Anh V đã thanh toán được cho Công ty được 05 tháng với số tiền 3.685.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 22/12/2024, hiện nay anh V còn nợ số tiền chưa thanh toán từ tháng 2/2025 đến tháng 5/2025 là 5.608.921 đồng. Nhưng Công ty chỉ yêu cầu anh V trả số tiền 4.937.345 đồng.

Do đó, Công ty Cổ Phần S thay đổi yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe giữa anh Trần Văn V với Công ty Cổ Phần S – Chi nhánh Đ - Thành phố C 3 tháng 6/2024 là vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cho thuê xe giữa anh Trần Văn V với Công ty Cổ Phần S – Chi nhánh Đ - Thành phố C 3 tháng 6/2024 là vô hiệu.

- Yêu cầu anh Trần Văn V thanh toán cho Công ty Cổ Phần S số tiền còn nợ là 4.397.345 đồng.

Trường hợp anh Trần Văn V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại Bản chính giấy đăng ký xe mô tô Riêng giấy đăng ký xe mô tô 2 bánh, BKS 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968 do Công an huyện C cấp ngày 27/5/2022.

Đối với bị đơn anh Trần Văn V: Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó anh cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ Phần S (Bản photo có chứng thực); Hợp đồng cho thuê xe tháng 6/2024 (Bản photo có chứng thực); Giấy bán xe (Bản photo có chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của anh V (Bản photo có chứng thực); Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tháng 6/2024 (Bản photo); Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2025 (Bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được công khai cho anh V biết nhưng anh V không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai tại Tòa án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Tại phiên tòa, Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng cho thuê xe cùng tháng 6/2024 là vô hiệu; yêu cầu anh V có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 4.397.345 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê và hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn là anh Trần Văn V có địa chỉ tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Về tố tụng, xét thấy: Nguyên đơn đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Hồ Minh N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn V đã được triệu tập hợp

lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Theo đơn khởi kiện Công ty cổ phần S yêu cầu anh Trần Văn V có nghĩa vụ thanh toán số tiền 4.895.629 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty cổ phần S yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe, hợp đồng cho thuê xe cùng tháng 6/2024 là vô hiệu và chỉ yêu cầu anh V trả số tiền 4.397.345 đồng

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe và hợp đồng cho thuê xe cùng tháng 6/2024 là vô hiệu; yêu cầu anh V có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 4.397.345 đồng

Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng cho thuê xe cùng tháng 6//2024 vô hiệu: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp: “Giấy bán xe” và “Hợp đồng cho thuê xe” cùng tháng 6/2024 với nội dung anh Trần Văn V đồng ý bán xe mô tô hai bánh biển kiểm soát xe mô tô 2 bánh, BKS 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968 cho Công ty và cùng ngày Công ty cho anh V thuê lại tài sản nói trên với giá 9.615.294,77 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng, anh V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mỗi tháng số tiền là 801.274,56 đồng từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2025. Tuy nhiên, xe môtô hai bánh biển kiểm soát 66F1-304.82 là loại tài sản bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại Điều 106 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008 nên mặc dù giữa Công ty và anh V có thỏa thuận mua bán xe nhưng Công ty chưa thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu theo quy định, hiện nay xe vẫn thuộc quyền sở hữu của anh V. Đồng thời, tại phiên tòa Công ty thừa nhận việc thỏa thuận mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe và hợp đồng cho thuê xe cùng tháng 6/2024 chỉ nhằm mục đích che giấu cho giao dịch vay tiền có thế chấp tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F1-304.82 giữa anh V và Công ty, cụ thể anh V đã thế chấp giấy tờ đăng ký xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F1-304.82 cho Công ty để vay số tiền 9.615.294,77 đồng (lý do có số lẻ là vì Công ty cho vay dựa trên giá trị còn lại của tài sản thời điểm thế chấp). Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán xe dưới hình thức Giấy bán xe tháng 6/2024 và Hợp đồng cho thuê xe tháng 6/2024 giữa

Công ty Cổ phần S với anh Trần Văn V là các giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại các Điều 116, 117, 124 Bộ luật dân sự.

[4.2] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Do các giao dịch mua bán xe và cho thuê xe cùng tháng 6/2024 bị tuyên vô hiệu nên giao dịch bị che giấu là giao dịch vay tiền có thế chấp tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F1-304.82 giữa anh V và Công ty có hiệu lực. Đối với Giấy bán xe thể hiện số tiền là 5.000.000 đồng nhưng tại trong quá trình giải quyết vụ án Công ty thừa nhận không có hoạt động mua bán xe xảy ra nên không có việc giao dịch số tiền như trong giấy bán xe thể hiện và số tiền anh V đã vay là số tiền thể hiện trong hợp đồng thuê xe. Lời trình bày của Công ty là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Do đó, có căn cứ xác định anh V đã vay của Công ty số tiền 9.615.294,77 đồng, anh V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mỗi tháng số tiền là 801.274,56 đồng từ tháng 6/2024 đến tháng 6/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh V chỉ thanh toán cho Công ty được 5 tháng với số tiền là 3.685.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ tháng 12/2024 đến nay, hiện nay còn nợ lại Công ty số tiền 5.608.921 đồng. Tuy nhiên Công ty chỉ yêu cầu anh V có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền còn nợ là 4.397.345 đồng là thấp hơn số tiền anh V có nghĩa vụ phải trả cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn V không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án, không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn cũng như không có mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Do đó, yêu cầu của Công ty là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận; Buộc anh V có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền còn nợ là 4.397.345 đồng.

[4.3] Đối với chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968 anh V đang quản lý, sử dụng, Công ty không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Khi anh Trần Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho anh V giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nhãn hiệu 2 bánh, BKS 66F1-304.82; Loại xe: Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968 do Công an huyện C cấp cho anh Trần Văn V ngày 27/5/2022

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị đơn anh Trần Văn V có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002523 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 106, 116, 117, 124, 131, 463, 466 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

- Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe dưới hình thức giấy bán xe tháng 6/2024 và Hợp đồng cho thuê xe tháng 6/2024 giữa Công ty Cổ phần S với anh Trần Văn V là các giao dịch dân sự vô hiệu.

- Buộc anh Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 4.397.345 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn ba tram bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nhãn hiệu Future FI màu: Đen; Số khung: RLHJC5383EY023906 - số máy JC54E2035968 do Công an huyện C cấp cho anh Trần Văn V ngày 27/5/2022 khi anh Trần Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí:

- Anh Trần Văn V có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Công ty Cổ phần S không phải nộp án phí được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002523 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- TAND tỉnh Đồng Tháp
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Võ Thị Kim Hoa